

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATHENA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATHENA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATHENA INVESTMENT GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ATHENA GROUP JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109982065

3. Ngày thành lập: 28/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, Tòa nhà văn phòng A-B, Imperia Garden, Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02473.068.979

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng (Chi tiết: Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp)	4330
2.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
3.	Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: kinh doanh nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm dành cho người).	4632
4.	Bán buôn đồ uống (Chi tiết: bán buôn đồ uống có cồn, không có cồn)	4633
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Kinh doanh máy móc thiết bị điện tử, điện lạnh, điện toán, điện lực và các loại máy móc, thiết bị ngành nghề đa dụng; Buôn bán vali, cặp, túi hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, chế phẩm vệ sinh).	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm dầu khí).	4661
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: kinh doanh nguyên liệu và sản phẩm sắt thép các loại, không bao gồm mua bán vàng miếng)	4662
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, vật tư ngành nước).	4663

10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Kinh doanh hàng tiêu dùng hoa quả, bánh kẹo, rượu bia, nước giải khát, hàng nông lâm thủy hải sản; kinh doanh hóa chất phục vụ đời sống và các ngành dịch vụ công, nông, lâm, ngư nghiệp (trừ các hóa chất Nhà nước cấm); Kinh doanh sản phẩm cho công trình có cường độ cao và công trình chịu mặn; Kinh doanh lâm sản và gỗ (trừ lâm sản Nhà nước cấm); Kinh doanh nguyên liệu và sản phẩm: Nhựa, giấy, vật tư thiết bị vận tải đường bộ, biển, vật tư thiết bị ngành in; Buôn bán vật tư thiết bị phương tiện y tế, văn hóa, giáo dục, giao thông, thủy lợi, thủy sản; Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, điện tử, tin học, điện lạnh, thiết bị văn phòng, dệt may; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt).	4669
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh).	8299
12.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Chi tiết: Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại giải trí)	9321
13.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dịch vụ kinh doanh Bowling, khiêu vũ (không bao gồm kinh doanh vũ trường), thư viện đọc sách giải trí, các trò chơi điện tử công viên, tennis, bơi lội, du thuyền; dịch vụ vui chơi giải trí thi đấu thể thao, quán bar, phòng hát karaoke (trừ các loại hình vui chơi giải trí Nhà nước cấm)	9329
14.	Cổng thông tin (Chi tiết: Trừ hoạt động báo chí).	6312
15.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
16.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư).	6619
17.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản: Nhà ở, khu công nghiệp, du lịch, nhà ở xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Cho thuê văn phòng, nhà ở theo quy định Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6810(Chính)
18.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Thiết kế quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấp thoát nước- môi trường nước công trình xây dựng)	7110

20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội (Chi tiết: tư vấn, thực hiện các hoạt động nghiên cứu trong và ngoài nước đối với hoạt động nuôi dạy, hướng nghiệp, giáo dục trẻ em và các trẻ em thiếu năng, tàn tật).	7221
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn (Chi tiết: tư vấn, thực hiện các hoạt động nghiên cứu trong và ngoài nước đối với hoạt động nuôi dạy, hướng nghiệp, giáo dục trẻ em và các trẻ em thiếu năng, tàn tật).	7222
22.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: thiết kế nội ngoại thất, trang trí công trình)	7410
23.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Sản xuất sợi	1311
26.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
27.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
29.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
30.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, gia công và mua bán các loại giấy phục vụ tiêu dùng).	1709
31.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (Chi tiết: Sản xuất xăng dầu và các sản phẩm dầu khí)	1920
32.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
33.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị công nghệ thông tin).	2620
34.	Sản xuất thiết bị truyền thông (Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc thiết bị viễn thông, thiết bị vật tư bưu chính viễn thông).	2630
35.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
36.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
37.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
38.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
39.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
40.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
41.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Chi tiết: Đầu tư kinh doanh kho tàng, bến bãi)	5210

43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: giao nhận hàng hoá).	5229
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, khu du lịch sinh thái và các dịch vụ liên quan).	5510
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng).	5610
46.	Hoạt động viễn thông khác (Chi tiết: Đại lý kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông)	6190
47.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Chi tiết: dịch vụ giới thiệu việc làm (không bao gồm giới thiệu tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)).	7810
48.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
49.	Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Trừ hoạt động truyền tải).	3512
50.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
51.	Xây dựng nhà để ở	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
54.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
57.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
58.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
59.	Xây dựng công trình thủy	4291
60.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
61.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
62.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây lắp công trình công nghệ thông tin, xây lắp công trình môi trường, y tế, văn hóa, giáo dục; thủy lợi, điện lực tới 35KV, xây dựng công trình nông, lâm nghiệp, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình vui chơi giải trí)	4299
63.	Phá dỡ	4311
64.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD)	4742

67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: bán lẻ vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, vật tư ngành nước).	4752
68.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế)	4772

6. Vốn điều lệ: 900.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ NGỌC TÙNG	Số 18, Ngõ 283 Phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000.000	270.000.000.000	30,000	B8775628	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	27.000.000	270.000.000.000	30,000		

2	NGUYỄN THẾ HÙNG	Tập thể Coma 7, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.500.000	405.000.000.000	45,000	017082000030
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.500.000	405.000.000.000	45,000	
3	QUÁCH ĐÌNH TRƯỜNG	P501C Nhà B8b Khu tập thể Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	25,000	034083004022
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	22.500.000	225.000.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 18/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017082000030

Ngày cấp: 24/07/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Tập thể Coma 7, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tập thể Coma 7, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội